

## Nhập môn Công nghệ phần mềm Introduction to Software Engineering (IT3180)

# Lab Guide 4 Bộ thẻ JSTL của JSP

Thông tin GV

#### Nội dung

- Giới thiệu JSP scripting elements
- Giới thiệu JSTL (JSP Standard Tag Library)

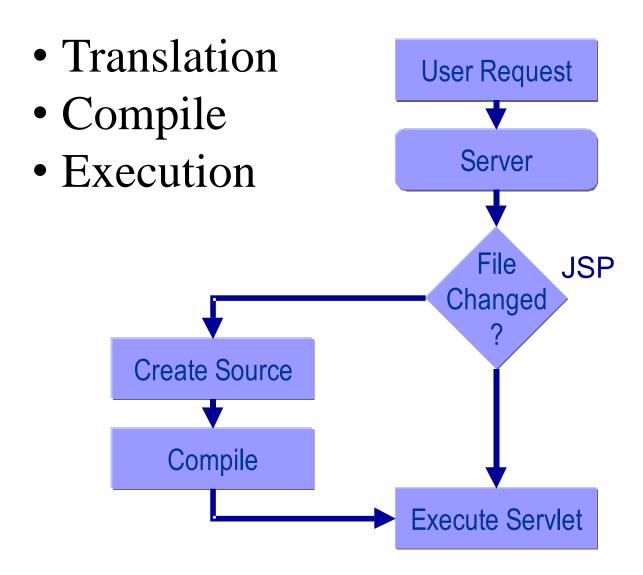


# Trang JSP

#### Trang JSP là gì?

- Là 1 tài liệu text có thể trả về cả static và dynamic content cho trình duyệt
- Static content và dynamic content có thể được ghép lẫn với nhau
- Static content
  - HTML, XML, Text
- Dynamic content
  - Mã Java
  - Các thuộc tính hiển thị của JavaBeans
  - Các thẻ Custom tags

# JSP làm việc như thế nào?



#### 5. Kỹ thuật sinh nội dung động với công nghệ JSP

- Gọi mã Java trực tiếp trong JSP
- Gọi mã Java gián tiếp trong JSP
- Sử dụng JavaBeans
- Tự phát triển và sử dụng các custom tags
- Sử dụng 3rd-party custom tags hoặc JSTL (JSP Standard Tag Library)
- Sử dụng mẫu thiết kế MVC
- Sử dụng Model2 frameworks đã được chuẩn hóa, kiểm chứng



# JSP Scripting Elements

#### **JSP Scripting Elements**

- Cho phép chèn mã nguồn Java vào servlet được sinh tương ứng cho trang JSP
- Nên GiÁM THIỀU sử dụng JSP scripting elements trong trang JSP nếu có thể
- Có 3 dạng:
  - Expressions: <%= Expressions %>
  - Scriptlets: <% Code %>
  - Declarations: <%! Declarations %>

#### Expressions

- Trong giai đoạn thực thi trang JSP:
  - Expression được tính giá trị và chuyển thành một
     String
  - String sau đó được chèn trực tiếp vào output stream của Servlet tương ứng
  - Kết quả tương đương với lệnh out.println(expression)
  - Có thể sử dụng các biến định nghĩa trước đó (implicit objects) trong 1 expression
- Cú pháp
  - <%= Expression %> hoặc
  - <jsp:expression>Expression</jsp:expression>
  - KHÔNG được dùng dấu ; trong các expressions

#### Ví du: Expressions

- Hiển thị thời gian hiện tại sử dụng lớp Date
  - Current time: <%= new java.util.Date() %>
- Hiển thị 1 số ngẫu nhiên sử dụng lớp Math
  - Random number: <%= Math.random() %>
- Sử dụng các implicit objects
  - Hostname: <%= request.getRemoteHost() %>
  - Parameter: <%= request.
    getParameter("yourParameter") %>
  - Server: <%= application.getServerInfo() %>
  - Session ID: <%= session.getId() %>

#### Scriptlets

- Sử dụng để chèn mã Java bất kỳ vào phương thức jspService() của Servlet tương ứng
- Có thể làm được các việc mà expressions không thể
  - Thiết lập response headers và status codes
  - Ghi log cho server
  - Cập nhật CSDL
  - Thực thi mã nguồn có điều khiển lặp, rẽ nhánh
- Có thể sử dụng các biến đã định nghĩa (implicit objects)
- Cú pháp:
  - <% Java code %> hoặc
  - <jsp:scriptlet> Java code</jsp:scriptlet>

# Ví dụ: Scriptlet với điều khiển lặp

```
<%
                                                                  Location: http://localhost.8000/bookstore2/showcart . What's Related
 lterator i = cart.getItems().iterator();
 while (i.hasNext()) {
  ShoppingCartItem item =
                                                                 Duke's Bookstore
   (ShoppingCartItem)i.next();
  BookDetails bd = (BookDetails)item.getItem();
%>
                                                        You have 2 items in your shopping cart.
  1 Duke: A Biography of the Java Evangelist $10.75 Remove Item
  1 Web Components for Web Developers
  <%=item.getQuantity()%>
  Continue Shopping Check Out Clear Cart
  Document Done
  <strong><a href="
  <%=request.getContextPath()%>/bookdetails?bookld=
  <%=bd.getBookld()%>"><%=bd.getTitle()%></a></strong>
  <%
 // End of while
```

\$17.75 Remove Item

Subtotal \$28.50

#### **Declarations**

- Được sử dụng để định nghĩa các biến hoặc phương thức (sẽ được chèn vào trong lớp Servlet tương ứng)
  - Nằm ngoài phương thức \_jspSevice()
  - Declerations không được truy cập các Implicit objects (VD: đối tượng HttpSession)
- Thường được sử dụng với Expressions hoặc Scriptlets
- Để thực hiện thao tác khởi tạo và dọn dẹp trong trang JSP, sử dụng declarations để override phương thức jsplnit() và jspDestroy()
- · Cú pháp:
  - <%! Mã nguồn khai báo biến hoặc phương thức %>
  - <jsp:declaration> Mã nguồn khai báo biến hoặc phương thức </jsp:declaration>

#### Ví dụ

```
<H1>Some heading</H1>
<%!
    private String randomHeading() {
        return("<H2>" + Math.random() + "</H2>");
    }
%>
<%= randomHeading() %>
```

#### Tại sao nên sử dụng cú pháp XML?

- Hỗ trợ từ JSP 1.2
- Ví dụ
  - <jsp:expression>Expression</jsp:expression>
  - <jsp:scriptlet> Java code</jsp:scriptlet>
  - <jsp:declaration> declaration code </jsp:declaration>
- Lợi ích
  - XML validation (qua XML schema)
  - Có sẵn nhiều công cụ XML
    - editor
    - transformer
    - Java APIs

#### **Directives**

- Directives là các thông điệp (messages) chuyển đến JSP container, hướng dẫn cách biên dịch trang JSP
- Không sinh ra output
- Cú pháp
  - -<%@ directive {attr=value}\* %>

#### 3 loai Directives

- page: Các thuộc tính của trang JSP
  - <%@ page import="java.util.\* %>
- include: Được sử dụng để đính kèm text/mã nguồn khi dịch trang JSP thành Servlet
  - <%@ include file="header.html" %>
- Taglib: Chỉ ra 1 thư viện thẻ mà JSP container cần phải interpret
  - <%@ taglib uri="mytags" prefix="codecamp" %>

#### **Page Directives**

- Đưa thêm các thông tin vào Servlet biên dịch từ trang JSP tương ứng
- Cho phép điều khiển
  - Import các class nào
    - <%@ page import="java.util.\* %>
  - Loại MIME sinh ra là gì
    - <%@ page contentType="MIME-Type" %>
  - Xử lý đa luồng như thế nào
    - <%@ page isThreadSafe="true" %> <%!--Default --%>
    - <%@ page isThreadSafe="false" %>
  - Xử lý các lỗi không mong đợi như thế nào
    - <%@ page errorPage="errorpage.jsp" %>



# Custom tags

## Custom tags là gì?

- Là các phần tử JSP do User tự định nghĩa (ngược với các thẻ chuẩn tắc: standard tags)
- Đóng gói các tác vụ phải thực hiện nhiều lần
- Lấy từ thư viện thẻ (tag library) tự định nghĩa

# Tại sao cần custom tags?

- Tách biệt phần presentation với phần business logic (và các chức năng khác)
  - Thiết kế trang: thực hiện phần presentation
  - Business logic developers: tao các custom tags
- Đóng gói phần business logic
  - Tái sử dụng và bảo trì dễ dàng
- Đơn giản cho người thiết kế trang
  - Không cần biết Java, sử dụng cú pháp đơn giản

#### Khai báo một thư viện thẻ

- Phải có taglib directive trước khi sử dụng các thẻ
- Cú pháp
  - <%@ taglib prefix="myprefix" uri="myuri"
    %>
  - prefix: tên của thư viện thẻ (tùy chọn tên)
  - uri: xác định duy nhất tag library descriptor (TLD), trực tiếp hoặc gián tiếp

#### Cú pháp Custom Tag trong trang JSP

- prefix: tên của thư viện thẻ
- tag: định danh của thẻ (trong thư viện thẻ tương ứng)
- attr1 ... attrN: các thuộc tính của thẻ

#### Ví dụ cú pháp JSP 1.2 với Scriptlets

```
< --- Output Shopping Cart -- %>
<%@ page import="com.acme.util.*" %>
< @ taglib prefix="util" uri="http://mytaglib" %>
<html>
  <body>
    <util:getShoppingCart var="cart" />
    <% for( int i = 0; i < cart.size(); i++ ) {</pre>
        CartItem item=(CartItem)cart.get(i);
    %>
      <%= item.getName() %>
        <%= item.getPrice() %>
      <% } %>
    </body>
</html>
```

#### Ví dụ cú pháp JSP 2.0, không cần Scriptlets

```
<%-- Output Shopping Cart --%>
<%@ taglib prefix="util" uri="http://mytaglib" %>
<%@ taglib prefix="c"
     uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/core" %>
<html>
  <body>
    <util:getShoppingCart var="cart" />
    <c:forEach var="item" values(="${cart}">
        ${item.name}
          ≼td>${item.price}
        </c:forEach>
    </body>
</html>
```

## JSTL là gì?

- Tập chuẩn các thư viện thẻ
- Đóng gói các chức năng chung trong rất nhiều ứng dụng JSP
  - Điều kiện và lặp
  - -XML
  - Truy cập database
  - internationalized formatting
- Vẫn đang được tiếp tục phát triển

# Tại sao cần JSTL?

- LTV không cần phải tự viết các thẻ
- LTV học và sử dụng tập chuẩn các thư viện thẻ được cung cấp bởi Java EE platforms
- Các nhà cung cấp đã tối ưu hóa việc cài đặt
- Đảm bảo tính Portability cho ứng dụng

#### Các thư viện thẻ JSTL

- Core (prefix: c)
  - Variable support, Flow control, URL management
- XML (prefix: x)
  - Core, Flow control, Transformation
- Internationalization (i18n) (prefix: fmt)
  - Locale, Message formatting, Number and date formatting
- Database (prefix: sql)
  - SQL query and update
- Functions (prefix: fn)
  - Collection length, String manipulation

#### Khai báo các thư viện thẻ JSTL

#### Core

- <%@ taglib prefix="c" uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/core" %>

#### XML

- <%@ taglib prefix="x" uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/xml" %>

#### Internationalization (i18n)

- <%@ taglib prefix="fmt"
uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/fmt" %>

#### Database (SQL)

- <\@ taglib prefix="sql" uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/sql" \\\\>

#### Functions

- <%@ taglib prefix="fn" uri="http://java.sun.com/jsp/jstl/functions" %>



# Các thẻ cơ bản (core tags)

## Core Tags Types (1)

- Hỗ trợ về biến (Variable)
  - <c:set>
  - <c:remove>
- Điều kiện
  - <c:if>
  - <c:choose>
    - <c:when>
    - <c:otherwise>
- Lặp
  - <c:forEach>
  - <c:forTokens>

## Core Tags Types (2)

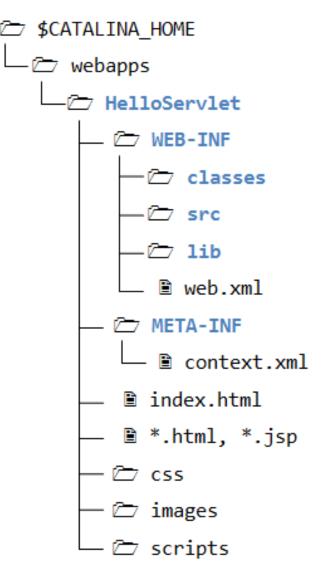
- Quản lý URL
  - <c:import>
    - <c:param>
  - <c:redirect>
    - <c:param>
  - <c:url>
    - <c:param>
- Mục đích chung khác
  - -<c:out>
  - <c:catch>



# Development Tree Structure

#### **Development Tree Structure**

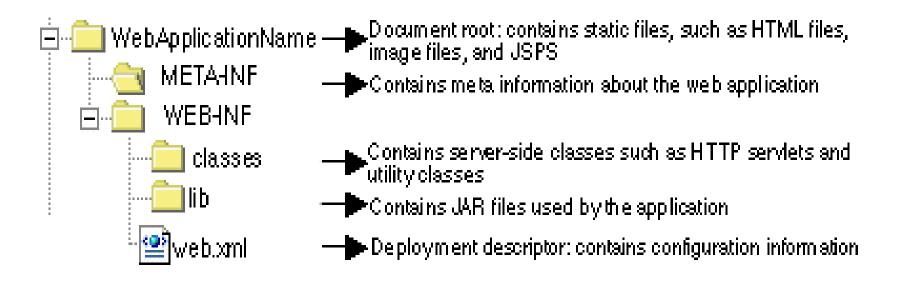
- Tạo cấu trúc thư mục (Development Tree Structure)
  - Cần tách biệt mã nguồn với các file biên dịch
  - Thư mục gốc bao gồm:
    - src: Mã nguồn Java cho các servlets và các JavaBeans
    - web: các trang JSP, HTML, images, CSS, javascript
    - web.xml



#### Document Root & Context

- Document Root của ứng dụng Web
  - Thư mục mức 1 trong file WAR
  - Chứa các trang JSP pages, thư viện, lớp phía client, tài nguyên Web tĩnh
  - Chứa cả thư mục WEB-INF
- Một context là 1 định danh (name) được map với document root của 1 ứng dụng Web
  - /hello1 là context cho ví dụ hello1
  - Phân biệt các ứng dụng Web trong MỘT Web container
  - Được chỉ định như 1 phần của URL

## Cấu trúc thư mục của 1 file \*.WAR



#### Thu muc WEB-INF

- Là thư mục con của Document root
- Chứa:
  - web.xml : Web application deployment descriptor
  - Các file JSP tag library descriptor
  - Classes : là thư mục chứa các lớp phía server: servlets, lớp tiện ích, các JavaBeans
  - lib : là thư mục chứa các file thư viện JAR (tag libraries, các thư viện tiện ích được gọi bởi các lớp phía server)

#### HTTP request URL & Web component URL (alias) & Context

- Request URL: yêu cầu truy cập tới 1 tài nguyên Web
  - http://[host]:[port]/[request path]?[query string]
  - [request path] bao gồm context + URN của component
  - http://localhost:8080/hello1/greeting?username=Minh
- Một số ký hiệu đường dẫn đặc biệt

Ký hiệu	Ý nghĩa
/	Thư mục gốc của website
./	Thư mục hiện tại của trang web đang sử dụng (mặc định)
/	Quay lên thư mục cha

## Ví dụ

